

ĐỀ CHÍNH THỨC

PHẦN I - TRẮC NGHIỆM (7 điểm) Tô vào phiếu trả lời trắc nghiệm trước đáp án câu trả lời đúng

- Câu 1.** Việc nâng cao chất lượng dịch vụ ở nước ta hiện nay phải dựa vào  
A. mở rộng hợp tác quốc tế. B. nguồn vốn đầu tư nước ngoài.  
C. công cuộc đổi mới kinh tế. D. trình độ công nghệ cao.
- Câu 2.** Chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp nước ta là ngành công nghiệp nào?  
A. Sản xuất hàng tiêu dùng. B. Khai thác nhiên liệu.  
C. Cơ khí - điện tử. D. Chế biến lương thực, thực phẩm.
- Câu 3.** Khó khăn nào của thị trường ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp nước ta?  
A. Mở rộng buôn bán với nhiều nước. B. Thị trường ngày càng mở rộng.  
C. Nhu cầu về nông sản ngày càng tăng. D. Sự bất ổn về thị trường xuất khẩu.
- Câu 4.** Hiện nay, chăn nuôi bò sữa ở nước ta có xu hướng phát triển mạnh ở  
A. các cao nguyên badan. B. các đồng bằng ven sông.  
C. ven các thành phố lớn. D. các vùng đồng bằng ven biển.
- Câu 5.** Các loại rừng nào dưới đây thuộc rừng sản xuất?  
A. Rừng nguyên liệu giấy. B. Các dải rừng ngập mặn ven biển.  
C. Khu dự trữ thiên nhiên. D. Các vườn quốc gia.
- Câu 6.** Tài nguyên được xem là tư liệu sản xuất không thể thay thế được của ngành nông nghiệp là  
A. đất trồng. B. nguồn nước. C. khí hậu. D. sinh vật.
- Câu 7.** Ở các thành phố, thị xã, các vùng đồng bằng tập trung nhiều hoạt động dịch vụ là do  
A. có nhiều trung tâm nghiên cứu khoa học.  
B. có nhiều lao động lành nghề, trình độ cao.  
C. mạng lưới giao thông thông hoàn thiện, đồng bộ.  
D. dân cư đông, có nhiều ngành sản xuất.
- Câu 8.** Vùng trọng điểm sản xuất lúa lớn nhất nước ta là  
A. Đồng bằng Thanh Hoá – Nghệ An. B. Đồng bằng sông Hồng.  
C. Đồng bằng ven biển miền Trung. D. Đồng bằng sông Cửu Long.
- Câu 9.** Nền kinh tế nước ta thoát khỏi khủng hoảng, từng bước ổn định và phát triển là nhờ vào.  
A. mở rộng hợp tác quốc tế.  
B. công cuộc đổi mới kinh tế.  
C. hội nhập kinh tế khu vực.  
D. phát triển kinh tế nhiều thành phần.
- Câu 10.** Để giảm bớt tỉ lệ gia tăng tự nhiên dân số biện pháp phải thực hiện chủ yếu là  
A. nâng cao nhận thức của người dân về vấn đề dân số.  
B. thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa gia đình.  
C. phân bố lại dân cư giữa các vùng.  
D. nâng cao chất lượng cuộc sống.
- Câu 11.** Nước ta có thể trồng từ hai đến ba vụ lúa và rau trong một năm là nhờ  
A. có nguồn sinh vật phong phú.  
B. có mạng lưới sông ngòi, ao, hồ dày đặc.  
C. có nhiều diện tích đất phù sa.  
D. có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- Câu 12.** Công cuộc đổi mới nền kinh tế nước ta được triển khai từ năm nào?  
A. 1986. B. 1984. C. 1985. D. 1983.

**Câu 13.** Việc đẩy mạnh phát triển và phân bố công nghiệp chế biến đã tác động như thế nào đến sản xuất nông nghiệp nước ta?

- A. Mở rộng thị trường trong và ngoài nước.
- B. Đa dạng hoá các loại nông sản.
- C. Nâng cao trình độ lao động nông thôn.
- D. Ổn định và phát triển các vùng chuyên canh.

**Câu 14.** Việc sử dụng lao động ở nước ta có nhiều thay đổi tích cực thể hiện ở

- A. tỉ lệ lao động thiếu việc làm ở nông thôn tăng nhanh.
- B. lao động trong khu vực nông nghiệp tăng.
- C. số lao động có việc làm ngày càng tăng.
- D. lao động trong khu vực dịch vụ giảm.

**Câu 15.** Dân cư nước ta phân bố thưa thớt ở

- A. miền núi.
- B. đồng bằng.
- C. ven biển.
- D. thành phố.

**Câu 16.** Thế mạnh chính của lao động nước ta tạo thuận lợi cho phát triển công nghiệp là

- A. tính kỉ luật cao, tác phong công nghiệp chuyên nghiệp.
- B. số lượng đông, khả năng tiếp thu khoa học - kĩ thuật nhanh.
- C. đội ngũ thợ lành nghề đông, trình độ chuyên môn cao.
- D. giá nhân công rẻ, có phẩm chất cần cù, thông minh.

**Câu 17.** Hoạt động của ngành thủy sản nước ta trở nên rất sôi động là nhờ

- A. mở rộng thị trường.
- B. Nhà nước đầu tư vốn.
- C. áp dụng công nghệ khai thác hiện đại.
- D. sự phát triển công nghiệp chế biến.

**Câu 18.** Phum, sóc là tên gọi các điểm dân cư của người

- A. Mường.
- B. Kinh.
- C. Khơ-me.
- D. Dao.

**Câu 19.** Dân số ở nhóm tuổi từ 0 – 14 tuổi đặt ra những vấn đề cấp bách

- A. văn hóa, y tế, giáo dục và giải quyết việc làm trong tương lai.
- B. xây dựng các nhà dưỡng lão, các khu dân trí.
- C. giải quyết việc làm, vấn đề xã hội, an ninh.
- D. các vấn đề trật tự an ninh và các vấn đề văn hóa, giáo dục.

**Câu 20.** Tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn chủ yếu là do

- A. đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp.
- B. khôi phục các làng nghề truyền thống.
- C. phổ biến rộng rãi lối sống thành thị.
- D. sản xuất nông nghiệp có tính mùa vụ.

**Câu 21.** Đường sắt Thống Nhất nối liền tỉnh thành nào sau đây?

- A. Hà Nội – Lào Cai.
- B. Hà Nội – Hải Phòng.
- C. Hà Nội – Huế.
- D. Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh.

**Câu 22.** Trong số các di sản thế giới được UNESCO công nhận, nhóm di sản nào sau đây thuộc di sản phi vật thể?

- A. Phong Nha – Kẻ Bàng, Thánh Địa Mỹ Sơn.
- B. Phố cổ Hội An, Thánh Địa Mỹ Sơn.
- C. Dân ca Quan họ, Dân ca ví, giặm Nghệ Tĩnh.
- D. Công chiêng Tây Nguyên, phố cổ Hội An.

**Câu 23.** Tuyến đường nào sau đây đi qua 6/7 vùng kinh tế của nước ta?

- A. Đường Hồ Chí Minh và quốc lộ 1A.
- B. Đường sắt Thống Nhất và đường 279.
- C. Đường sắt Thống Nhất và quốc lộ 1A.
- D. Quốc lộ 1A và Đường Hồ Chí Minh.

**Câu 24.** Vùng Đồng Bằng Sông Hồng năm 2018 có diện tích 21260,0 km<sup>2</sup> dân số 21566,4 nghìn người (*Nguồn: gso.gov.vn*). Mật độ dân số của ĐBSH năm 2018 là

- A. 1010 người/km<sup>2</sup>.
- B. 1015 người/km<sup>2</sup>.
- C. 1014 người/km<sup>2</sup>.
- D. 1012 người/km<sup>2</sup>.

**Câu 25.** Cho bảng số liệu: Tổng sản phẩm trong nước (Đơn vị: Tỷ đồng)

<b>Năm</b>	<b>2020</b>
<b>Khu vực</b>	
Nông – lâm – ngư nghiệp	1.018.050,00
Công nghiệp – Xây dựng	2.955.806,03
Dịch vụ	3.365.059,90
<b>Tổng</b>	<b>8.044.385,73</b>

(Nguồn: gso.gov.vn)

Cơ cấu ngành dịch vụ là

- A.** 12,66%                      **B.** 41,83%                      **C.** 36,74%                      **D.** 42,83%

**Câu 26.** Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 20, vùng nào nuôi trồng thủy sản lớn nhất nước ta?

- A.** Đồng bằng sông Cửu Long.                      **B.** Bắc Trung Bộ.  
**C.** Đồng bằng sông Hồng.                      **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 27.** Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 18, cho biết “chè, đậu tương” là cây công nghiệp chủ yếu của vùng nào?

- A.** Bắc Trung Bộ.                      **B.** Tây Nguyên.  
**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ.                      **D.** Trung du miền núi Bắc Bộ.

**Câu 28.** Một bác sĩ mở phòng mạch tư thuộc loại hình dịch vụ nào?

- A.** Dịch vụ tiêu dùng.                      **B.** Dịch vụ công cộng.  
**C.** Dịch vụ sản xuất.                      **D.** Không thuộc loại hình nào.

### **PHẦN II – TỰ LUẬN (3 điểm)**

Phân tích thuận lợi và khó khăn của khí hậu đến sản xuất nông nghiệp ở nước ta. Cho biết những vùng nông nghiệp nào của nước ta chịu thiệt hại nặng nề do bão gây ra? Dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết thực tế của bản thân, em hãy đề xuất các giải pháp nhằm hạn chế một cách hiệu quả thiệt hại của bão đối với sản xuất nông nghiệp.

----- **HẾT** -----